

Số: 5038 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 09 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất san lấp tại xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH Định An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy hoạch quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị Quyết số 60/NQ-CP ngày 16/6/2021 của Chính phủ về việc áp dụng cơ chế đặc thù trong cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cung cấp cho dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 (đã khởi công và sắp khởi công); Nghị Quyết số 133/NQ-CP ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Nghị Quyết số 60/NQ-CP ngày 16/6/2021 về việc áp dụng cơ chế đặc thù trong cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cung cấp cho dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 (đã khởi công và sắp khởi công);

Căn cứ Công văn số 18021/UBND-CN ngày 15/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai đồng thời các thủ tục hành chính khi cấp phép hoạt động khoáng sản theo Nghị quyết số 133/NQ-CP ngày 19/10/2021 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án khai thác mỏ đất san lấp tại xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa tại thông báo kết quả thẩm định số 10390/STNMT-BVMT ngày 23/11/2021.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 1201/Tr-STNMT ngày 01/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất san lấp (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH Định An (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh, với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Như Thanh, Giám đốc Công ty TNHH Định An và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất san lấp tại xã Xuân
Phúc, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH Định An

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của
 Chủ tịch UBND tỉnh)*

1. Thông tin dự án

1.1. Tên dự án:

Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất san lấp tại xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá.

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH Định An.

+ Người đại diện: Ông Cao Đăng Hoạt - Chức danh: Giám đốc Công ty

+ Điện thoại: 0916.554.635

+ Giấy Đăng ký doanh nghiệp số 5300249607

+ Ngày cấp: 20/4/2010, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 17/8/2020

+ Cơ quan cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai

+ Địa chỉ trụ sở: Biệt thự 10 HUD8, đại lộ Trần Hưng Đạo, tổ 19, phường Pom Hán, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

1.3. Phạm vi, quy mô, công suất, tuổi thọ của dự án:

- Phạm vi: Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp của Công ty TNHH Định An được thực hiện tại Xuân Phúc, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá. Khu vực thực hiện dự án có tổng diện tích 17,7 ha, gồm 02 khu mỏ cách nhau 16,5m, trong đó:

+ Khu mỏ 1 có diện tích là 9,0 ha;

+ Khu mỏ 2 có diện tích là 8,7 ha;

- Công suất:

+ Năm thứ 1: 3.500.000 m³/năm.

+ Năm thứ 2: 371.351 m³/năm.

- Tuổi thọ dự án: 2 năm, trong đó, thời gian xây dựng cơ bản là 01 tháng.

1.4. Công nghệ khai thác:

Dự án lựa chọn hệ thống khai thác theo lớp bằng, khai thác lần lượt từ trên xuống dưới, làm tơi đất đá bằng máy xúc, vận tải trực tiếp bằng ô tô.

2. Các tác động môi trường chính của dự án (giai đoạn khai thác)

2.1. Các tác động môi trường chính

- Tác động đến môi trường nước: Nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, nước vệ sinh máy móc, thiết bị.

- Tác động đến môi trường không khí: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển, bốc xúc.

- Tác động do chất thải rắn thông thường: Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân hoạt động tại dự án; chất thải rắn phát quang; đất rơi vãi trong quá trình vận chuyển.

- Tác động do chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại từ hoạt động của cán bộ, công nhân dự án (bóng đèn huỳnh quang, pin, ắc quy...); quá trình sửa chữa, bảo dưỡng nhỏ các máy móc, thiết bị phục vụ khai thác (dầu, mỡ thải, giẻ lau dính dầu, hộp đựng dầu).

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ quá trình vệ sinh, tắm giặt với lưu lượng 1,9m³/ngày.đêm (nước thải vệ sinh khoảng 0,57m³/ngày; nước rửa tay chân khoảng 0,76m³/ngày; nước thải từ quá trình ăn uống khoảng 0,57m³/ngày); Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, động thực vật, Coliform,...

- Nước thải vệ sinh máy móc, thiết bị: Phát sinh khoảng 48,8m³/ngày; Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ,..

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng cụ thể:

+ Khu 1: 65,1(m³/ngày);

+ Khu 2: 54,1(m³/ngày);

Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động: Khai thác, bốc xúc đất, bụi cuốn theo lớp xe trong quá trình vận chuyển; đốt dầu DO. Thành phần chủ yếu: bụi; CO; SO₂ và NO₂.

2.4. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là thức ăn thừa, nhựa, vỏ chai nhựa, ni lon,...., phát sinh khoảng 7,6kg/ngày.

Đất, đá thải trong quá trình phát quang thảm thực vật:

Khu 1:

+ Đối với cây lấy gỗ phát sinh khoảng 1103,9 (m³).

+ Đối với khối lượng chất thải rắn sinh ra trong khi phát quang tạo mặt bằng gồm: cây cối, hoa màu trên khu đất bị giải phóng mặt bằng. Với diện tích 9,0ha, sinh khối thực vật phát quang 0,02 tấn/m², tương ứng với sinh khối khoảng 1.800 tấn.

Khu 2:

+ Đối với cây lấy gỗ phát sinh khoảng 1067,1 (m³).

+ Đối với khối lượng chất thải rắn sinh ra trong khi phát quang tạo mặt bằng gồm: cây cối, hoa màu trên khu đất bị giải phóng mặt bằng. Với diện tích 8,7ha, sinh khối thực vật phát quang 0,02 tấn/m², tương ứng với sinh khối khoảng 1.7400tấn.

2.5. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại

- Dầu thải máy móc phát sinh khoảng 4065,8lít/đợt thay; Chất thải rắn nguy hại bao gồm các thùng phuy, can, vỏ nhựa, giẻ lau dính dầu,... phát sinh khoảng 73,2kg/tháng.

2.6. Các tác động không liên quan đến chất thải

Tiếng ồn, rung trong giai đoạn này chủ yếu là do hoạt động của các phương tiện vận chuyển, thiết bị khai thác (máy múc, ô tô vận chuyển).

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án (giai đoạn khai thác)

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác được Công ty xây dựng mương có tiết diện rộng 0,6 m; sâu 0,8; Khu 1 dài 575m; khu 2 dài 567m; sau đó thu gom vào 02 ao lắng 250 m², kích thước 25x10x2m tại (mỗi khu bố trí 01 ao lắng) trước khi thoát ra môi trường. Định kỳ vạo vét hệ thống rãnh thoát nước và ao lắng với tần suất 03 tháng/lần.

- Nước thải nhà vệ sinh được xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn (3,0 m³), nước thải nhà ăn được xử lý qua bể tách dầu mỡ (2,0 m³) qua hệ thống rãnh thu gom về ao lắng rồi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực (*hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được xây dựng tại khu vực nhà điều hành của khu mỏ số 2*).

- Nước vệ sinh máy móc, thiết bị: Được thu gom vào hố lắng có kích thước 5mx5mx2m, có thiết kế thanh gạt vớt dầu mỡ, nước sau hố lắng được chảy về ao lắng nước mưa chảy tràn của từng khu mỏ để sử dụng phun nước giảm bụi, rửa xe, ...

- Nước thải sau xử lý đạt: QCVN 40:2011/BTNMT, mức B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp và QCVN 14:2008/BTNMT, mức B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân theo Thông tư số 04/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12/2/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Xây dựng nội quy, quy trình cho từng khâu, từng hoạt động trong khai thác như: Vận hành thiết bị, máy móc...

- Thực hiện phun nước dập bụi trên mặt bằng mỏ để hạn chế bụi trong quá trình xúc, đổ đất ở khu vực bãi thải và công trường khai thác. Tần suất phun nước trung bình 02lần/ngày, vào những ngày nắng, nóng, khô hanh tần suất phun nước được tăng lên khi có phát sinh bụi.

- Phun nước giảm thiểu bụi tại các tuyến đường vận chuyển qua khu vực tập trung đông dân cư, trường học, chợ,... bằng xe phun nước 5,0m³ với tần suất 02lần/ngày, vào những ngày nắng, nóng, khô hanh tần suất phun nước được tăng lên khi có phát sinh bụi.

- Bố trí nhân công thường xuyên quét dọn vệ sinh xung quanh khu vực khai thác; quét dọn đất rơi vãi trong quá trình vận chuyển trên các tuyến đường ngoài mỏ.

- Các phương tiện vận tải và máy móc cần phải tuân thủ quy trình kiểm định của Cục Đăng kiểm Việt Nam, có chứng chỉ an toàn kỹ thuật và môi trường; định kỳ bảo dưỡng, đảm bảo tiêu chuẩn khí thải theo Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg ngày 10/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

- Bố trí khu vực rửa bánh xe vận chuyển ra vào khu vực mỏ.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải sinh hoạt: Trang bị 02 thùng rác composite loại 20lít tại khu vực khai trường; thu gom hàng ngày và hợp đồng với đơn vị môi trường tại địa phương để vận chuyển, xử lý.

- Đất bóc hữu cơ trong quá trình khai thác: Một phần được sử dụng để san lấp mặt bằng, cải tạo tuyến đường nội mỏ; một phần được lưu tại bãi thải diện tích 7.500m² (DxRx C = 150mx50mx1m) để sử dụng trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng phuy có dung tích 500lít để thu gom dầu thải và các thùng phuy thể tích 200 lít để thu gom chất thải rắn nguy hại; các thùng phuy được đặt tại kho chứa diện tích 5,0m², xung quanh được bao bằng tấm nhựa mica. Định kỳ Công ty hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý.

3.5. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Yêu cầu các chủ phương tiện kiểm tra thiết bị thường xuyên và đảm bảo chế độ kiểm định, bảo dưỡng xe máy theo đúng định kỳ quy định, tránh hoạt động đồng thời.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như: bông tai, nút tai chống ồn...

3.6. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

a. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được lựa chọn thực hiện

- Khu vực moong khai thác: Đắp bờ đai bảo vệ; lắp đặt biển cảnh báo nguy hiểm; bạt mái taluy; đào mương thu gom nước từ sườn núi; san gạt khu vực moong khai thác; phá dỡ, san gạt công trình, bờ bao bãi thải, trồng cây keo tai tượng Úc trên toàn bộ diện tích moong khai thác và bờ đai bảo vệ.

- Khu vực xung quanh: Cải tạo tuyến đường ngoài mỏ, nạo vét mương thoát nước.

b. Kế hoạch thực hiện; kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường.

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **1.282.647.086 đồng**.

Thời gian khai thác của dự án là 02 năm, do đó Công ty sẽ thực hiện ký quỹ nộp một lần, với số tiền **1.282.647.086 đồng**.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hoá.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021. Yếu tố trượt giá được xác định bằng số tiền ký quỹ hàng năm nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phương án được phê duyệt. Chỉ số giá tiêu dùng hàng năm áp dụng theo công bố của Tổng cục Thống kê cho địa phương nơi khai thác khoáng sản hoặc cơ quan có thẩm quyền.

3.7. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với rủi ro, sự cố môi trường

- Sự cố sạt lở moong khai thác: Thực hiện các biện pháp kỹ thuật an toàn trong suốt quá trình khai thác mỏ; khai thác đúng thiết kế đã được phê duyệt; giám sát sự cố sạt lở moong khai thác; khi xảy ra sự cố, di dời người và thiết bị đến nơi an toàn, gia cố khu vực bị sạt lở.

- Sự cố tai nạn lao động: Lắp đặt bảng nội quy an toàn lao động; bảng cảnh báo nguy hiểm; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định; tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người lao động. Khi xảy ra sự cố, kịp thời sơ cứu người bị nạn và đưa đi cấp cứu tại cơ sở y tế gần nhất, thông báo với các cơ quan chức năng quản lý lao động có liên quan.

- Sự cố hư hỏng các tuyến đường giao thông nông thôn trong quá trình vận chuyển: Trong quá trình vận chuyển vật liệu san lấp nếu làm hư hỏng các tuyến đường giao thông liên thôn, liên xã, Công ty sẽ có biện pháp khắc phục, sửa chữa kịp thời.

4. Các công trình xử lý môi trường

STT	Công trình bảo vệ môi trường	Khối lượng
I	Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải	
1	Hệ thống máy bơm, vòi phun nước giảm bụi	01 hệ thống
2	Xe phun nước 5,0m ³	01 xe
II	Công trình xử lý nước thải	
1	Ao lắng 250 m ² , kích thước 25x10x2m	02 ao
2	Bể tự hoại 03 ngăn (3,0 m ³)	01 bể
3	Bể tách dầu mỡ (2,0 m ³)	01 bể
4	Hố lắng có kích thước 5mx5mx2m	01 hố
III	Công trình/thiết bị thu gom, lưu giữ CTR	
A	Phương tiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt	
1	Thùng composite màu xanh 20 lít	02 cái
B	Phương tiện thu gom và lưu giữ chất thải nguy hại	
1	Thùng Composite màu vàng 200 lít	02 cái
2	Thùng Composite màu trắng 500 lít	05 cái
IV	Công trình lưu giữ và xử lý	
1	kho chứa diện tích 5,0m ²	01 kho

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn khai thác

*. Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Thông số giám sát: Vi khí hậu; bụi và tiếng ồn, độ rung, CO, NO₂, SO₂.
- Vị trí giám sát:
 - + 01 điểm tại khu vực khai thác 1;
 - + 01 điểm tại khu vực khai thác 2;
 - + 01 điểm tại cổng ra vào khu vực mỏ;
 - + 01 điểm trên tuyến đường vận chuyển ngoại mỏ.
- Tiêu chuẩn so sánh:
 - + QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
 - + QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
 - + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
 - + QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
 - + QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
 - + QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu, giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc./.